

BẢN CỦA NGƯỜI HMÔNG Ở TỈNH SƠN LA

PGS.TS. Nguyễn Ngọc Thanh
Viện Dân tộc học

Tóm tắt: Bài viết nêu lên những đặc điểm nổi bật về bản của người Hmông ở tỉnh Sơn La như: ít xen kẽ với tộc người khác; các thành viên trong bản gắn bó với nhau bằng ý thức dòng họ và quan hệ láng giềng; bộ máy tự quản (già bản, trưởng bản, trưởng họ, thầy cúng...) có tiếng nói quyết định trong tổ chức đời sống xã hội và phát triển kinh tế ở địa phương; mỗi bản có qui ước riêng, nội dung gắn bó thiết thực với các lợi ích của người dân trong bản, trong đó tập trung vào sử dụng đất đai, bảo vệ nguồn nước, rừng, mùa màng, chăn nuôi, bảo vệ an ninh trật tự.

Từ khóa: Bản, tự quản, quy ước, người Hmông, Sơn La.

Ngày nhận bài: 3/5/2019; ngày gửi phản biện: 6/5/2019; ngày duyệt đăng: 9/6/2019

Mở đầu

Người Hmông ở Sơn La có 157.253 người (Tổng cục Thống kê, 2009), sinh sống tại tất cả các huyện, thành phố trong tỉnh, nhưng tập trung nhiều nhất ở các huyện: Bắc Yên, Sông Mã, Thuận Châu, Mường La, Mai Sơn, Vân Hồ, Mộc Châu, Yên Châu, Sốp Cộp... Mặc dù cư trú ở những vùng cảnh quan khác nhau, nhưng bản của người Hmông ở Sơn La đều có chung một số đặc điểm mang bản sắc văn hóa tộc người.

1. Tên bản và hình thức cư trú

Bản (*jao, dò*) là đơn vị xã hội cơ bản và duy nhất của người Hmông. Tại tỉnh Sơn La, phần lớn các bản của đồng bào phân bố ở độ cao từ 600 đến 1.500m. Tên bản thường do trưởng họ hay già làng đặt. Nhiều bản có tên từ tiếng Thái, như *Co Mạ, Lóng Luông, Nậm Giắt, Huổi Pá, Huổi Men, Nậm Lạnh*... do những điểm cư trú này là vùng đất người Thái khai phá, người Hmông đến ở sau. Thống kê tên 100 bản tại 9 xã, thuộc ba huyện Sốp Cộp, Sông Mã, Bắc Yên cho thấy có 31 bản đặt tên theo tiếng Thái (Ban Dân tộc tỉnh Sơn La, 2010). Người dân cũng có những cách giải thích khác nhau về những bản tên gọi được đặt theo tiếng Hmông, chẳng hạn ở xã Phông Lái, huyện Thuận Châu, bản Mô Cống được giải thích là “bãi nước ngầm”, bản Tào Hòa Cháng nghĩa là “rừng hoa ban” (Hồ Ly Giang, 2013, tr.61).

Bản của người Hmông thường được dựng nơi gần nguồn nước, đất tốt để sản xuất và phải có núi bao quanh bản. Tùy từng địa hình mà nhà cửa có thể bố trí theo các chiều hướng

khác nhau, nhưng phổ biến là mặt các ngôi nhà thường hướng về phía thung lũng, lưng tựa vào sườn núi, tạo thành một thể vững chắc. Theo một số bậc cao niên, cách chọn đất làm nhà tốt nhất là hai bên đầu nhà hướng về hai quả núi, cửa chính của nhà tuyệt đối tránh các hang hốc hay những mỏm núi nhô lên.

Ngoài khu vực cư trú, bản còn có đất đai để canh tác, khai thác và sử dụng riêng như nghĩa địa, rừng cấm, nguồn nước, bãi chăn thả. Tất cả tạo nên một không gian sinh tồn chung của cả cộng đồng bản. Không gian ấy được xác định ranh giới qua sự thỏa thuận miệng giữa những người trong bản và giữa người bản này với người bản khác. Việc phân định đất đai cũng chỉ là ước lệ mà mốc giới thường là những hốc cây, hòn đá, khe suối, hẻm núi, con lạch, ngã ba đường,... Việc xác định mốc ranh giới thường do già làng giữa các làng có liên quan thống nhất với nhau. Ranh giới đó không ghi trong văn bản, chỉ được truyền khẩu cho nhau và được nhớ trong ký ức của người dân từ đời này qua đời khác. Trừ một số ít xã, chẳng hạn ở xã Tà Xùa, huyện Bắc Yên, các bản có một dòng họ cư trú; còn ở những nơi khác, mỗi bản thường có từ 2 đến 4 dòng họ cư trú xen kẽ với nhau. Trong phạm vi bản, các gia đình có quan hệ họ hàng thường cư trú gần nhau. Trong xã hội truyền thống của người Hmông, dòng họ có vai trò to lớn. Quan hệ cộng đồng dòng họ tác động, chi phối mọi mặt trong đời sống của từng gia đình, từng thành viên và cũng là nền tảng xây dựng nên hệ thống tổ chức xã hội ở bản, ở vùng (Nguyễn Ngọc Thanh, 2008, tr.43). Từ lâu đời, người Hmông quản tụ theo dòng họ đã trở thành tâm lý và tập quán. Trong một bản, dù sống xen kẽ với các dòng họ khác, những gia đình cùng dòng họ vẫn ở quản tụ gần nhau, không sống rải rác ở khu vực khác nhau. Việc quản tụ những người cùng dòng họ là nhu cầu cần thiết, là điều kiện tạo nên sức mạnh tập thể để giúp đỡ, bảo vệ nhau khi gặp hoạn nạn, khó khăn (Vương Duy Quang, 1987, tr. 73).

Số liệu thống kê thực trạng cư trú của dòng họ Hmông ở một số xã như sau:

Bảng 1: Cư trú các dòng họ trong từng bản thuộc xã Mường Lạn, huyện Sốp Cộp

STT	Tên bản	Số dòng họ	Số gia đình	Tên các dòng họ
1	Nong Phụ	2	54	Hạng, Gàng
2	Huổi Pá	3	83	Hạng, Sòng, Giàng
3	Nậm Lạn	2	27	Giàng, Sòng
4	Co Muông	2	33	Giàng, Sòng
5	Pá Kạch	3	48	Giàng, Sòng, Thào
6	Pu Hao	4	75	Giàng, Thào, Sòng, Ly
7	Huổi Men	3	32	Vàng, Giàng, Vừ

8	Huổi Khi	2	16	Sòng, Giàng
9	Co Hạ	1	15	Hạng

Nguồn: Ban Dân tộc tỉnh Sơn La, 2010.

Bảng 2: Cư trú của các dòng họ trong từng bản thuộc xã Đứa Mòn, huyện Sông Mã

STT	Tên bản	Số dòng họ	Số gia đình	Tên các dòng họ
1	Tặng Sòn	3	56	Sùng, Vàng, Giàng
2	Nộc Cốc 2	4	51	Sùng, Thào, Tráng, Giàng
3	Huổi Lếch I	3	65	Ly, Sùng, Giàng
4	Nộc Cốc 1	2	29	Sùng, Thào
5	Púng Báng	2	20	Vàng, Vừ
6	Ngam Trạng	2	28	Vàng, Sùng
7	Huổi Lếch II	2	12	Ly, Giàng
8	Hua Thóng	3	41	Ly, Vàng, Vừ
9	Nà Tấu II	5	26	Giàng, Thào, Tráng, Sùng, Mùa
10	Huổi Phẳng	5	15	Sùng, Thào, Vừ, Vàng, Lầu
11	Huổi Núa	1	11	Giàng

Nguồn: Ban Dân tộc tỉnh Sơn La, 2010.

Bảng 3: Cư trú của các dòng họ trong từng bản thuộc xã Tà Xùa, huyện Bắc Yên

STT	Tên bản	Số dòng họ	Số gia đình	Tên các dòng họ
1	Tà Xùa A	2	56	Mùa, Thào
2	Háng Đồng B	2	64	Mùa, Hờ
3	Làng Sáng	3	64	Mùa, Hạng, Lù
4	Trò A	2	91	Thào, Mùa
5	Tà Xùa C	1	40	Lù
6	Khe Cải	1	17	Mùa

7	Móng Vàng	1	13	Mùa
8	Chung Trinh	1	21	Mùa
9	Bẹ	1	35	Thào
10	Trò B	2	37	Mùa, Thào
11	Háng Bla	1	16	Mùa
12	Chống Tra	1	40	Mùa
13	Háng Đồng A	2	34	Mùa, Lù
14	Háng Đồng C	2	29	Mùa, Hạng

Nguồn: Ban Dân tộc tỉnh Sơn La, 2010.

Bảng 4: Cư trú của các dòng họ trong từng bản thuộc xã Phổng Lái, huyện Thuận Châu

STT	Tên bản	Số dòng họ	Số gia đình	Tên các dòng họ
1	Mô Cống	6	60	Thào, Sùng, Vừ, Lầu, Mùa, Giàng
2	Nậm Giắt	5	86	Thào, Sùng, Ly, Vừ, Lầu
3	Mó Nước	3	34	Sùng, Ly, Vừ
4	Pá Chập	4	32	Sùng, Vừ, Và, Mùa
5	Phiêng Luông	4	29	Sùng, Lầu, Mùa, Và
6	Pha Lao	4	32	Thào, Vừ, Lầu, Sùng
7	Huổi Giếng	5	28	Lầu, Sùng, Mùa, Vừ, Ly
8	Nà Ngựa	3	4	Sùng, Mùa, Hờ

Nguồn: Hồ Ly Giang (2013), *Dòng họ người Hmông Trắng tỉnh Sơn La*, Luận án tiến sĩ chuyên ngành Nhân học, tr. 26.

Trước năm 1986, các bản của người Hmông ở Sơn La thường có quy mô nhỏ, khoảng từ 10 đến 15 gia đình, thậm chí vài ba gia đình. Đến nay, quy mô dân số của một bản đã tăng lên, nhiều bản có từ 80 đến 90 gia đình.

Bảng 5: Quy mô bản ở một số huyện, năm 2010

Huyện	Số bản có từ 50 đến 90 gia đình	Số bản có từ 10 đến 49 gia đình
Bắc Yên	12	27
Thuận Châu	18	92
Sốp Cộp	9	17
Sông Mã	7	37

Nguồn: Ban Dân tộc tỉnh Sơn La, 2010

Do sống ở những vùng cảnh quan khác nhau nên hình thức cư trú của người Hmông ở Sơn La cũng khác nhau. Nổi bật là các hình thức cư trú sau:

- Cư trú mật tập ở vùng thấp, trong thung lũng, thấy nhiều ở các huyện Thuận Châu, Mộc Châu, Vân Hồ. Bản những khu vực này đất đai màu mỡ, cây cối tốt tươi thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, nhất là canh tác lúa nước.

- Cư trú trên sườn đồi, núi ở các huyện Sốp Cộp, Sông Mã, Bắc Yên, Mai Sơn. Phần lớn bản quy mô nhỏ, người dân chủ yếu canh tác nương rẫy và phát triển chăn nuôi.

- Các điểm dân cư mới là các nông, lâm trường, các khu tái định cư ở Vân Hồ, Mộc Châu,... Bản ở đây được quy hoạch mật bằng sản xuất, sinh hoạt với cơ cấu hạ tầng ổn định, đời sống của người dân được nâng cao.

3. Bộ máy tự quản của bản

Bộ máy tự quản của bản gồm trưởng bản, trưởng dòng họ, già làng, thầy cúng, bà cô, ông cậu, các bậc cha chú, là những người có uy tín được dân bản suy tôn và nể trọng. Những nhân vật này, đóng vai trò tích cực trong việc tổ chức, vận động dân bản thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Ở đây chỉ tập trung trình bày bốn thành phần: trưởng bản, trưởng dòng họ, già làng, thầy cúng.

- *Trưởng bản*: Trong xã hội truyền thống, trưởng bản (*chur jao*) có vai trò rất lớn, với tư cách là người đứng đầu bản, mọi công việc của bản đều phải được vận hành một cách trôi chảy, cùng với đức tính vô tư, công bằng nên vị trí của trưởng bản thường được bền lâu, chỉ khi nào ông ta già yếu, không làm việc được nữa, lúc đó người ta mới tiến cử và bầu người khác thay thế (Nguyễn Ngọc Thanh, 2001, tr. 27 - 32). Trưởng bản phải đạt được một số tiêu chuẩn sau: am hiểu phong tục tập quán, có nhiều kinh nghiệm sản xuất; có đạo đức và uy tín,

sẵn sàng dốc sức vì công việc chung, biết cách ứng xử và giao thiệp rộng rãi; trung thực, công tâm khi xử lý người vi phạm quy ước.

Ngày nay, mỗi bản có 01 trưởng bản, 1 hoặc 2 phó trưởng bản. Trưởng bản do người dân trực tiếp bầu, UBND xã ra quyết định công nhận. Trưởng bản là người đại diện cho nhân dân và chính quyền xã để thực hiện một số nhiệm vụ tại bản.

Trưởng bản là người phải đủ 21 tuổi trở lên, có sức khỏe, trình độ văn hoá, nhiệt tình, trách nhiệm cao, đạo đức tư cách tốt, có uy tín, được dân bản tin nhiệm, có năng lực vận động, tổ chức thực hiện tốt công việc của bản.

Nhiệm vụ của trưởng bản là triệu tập và chủ trì hội nghị bản; tổ chức thực hiện các quyết định của bản và quy chế dân chủ ở cơ sở; vận động dân bản thực hiện tốt quy ước, đồng thời tổ chức quản lý, giữ gìn trật tự trị an ở bản; tập hợp, phản ánh, đề nghị chính quyền xã giải quyết các nguyện vọng chính đáng của nhân dân.

Trưởng bản còn là người hiểu biết rõ về nguồn gốc của từng dòng họ, về các mối quan hệ hôn nhân, nắm chắc các phong tục tập quán, chịu trách nhiệm chính trong các vụ xử phạt người vi phạm luật tục, những trường hợp vượt quá khả năng cho phép như chứa chấp người phạm tội, trưởng bản chuyển lên cho chính quyền xã xử lý theo pháp luật của Nhà nước.

- *Già bản*: Già bản là lớp người có vai trò quan trọng trong cộng đồng bản, có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất, rất am hiểu phong tục tập quán, nắm vững "cái lý" của người Hmông, thông thạo về các nghi thức ma chay cũng như quy ước chung của làng và các dòng họ. Công việc chung của bản luôn được già bản đóng góp. Ý kiến của họ thường phản ánh nguyện vọng của dân bản cũng như của các dòng họ, nên nhiều khi già bản đã có ý kiến thì chính quyền xã phải lắng nghe và lựa để xử lý cho phù hợp với ý kiến của họ. Do vị trí của già bản như vậy nên trong việc triển khai các dự án ở địa phương cần xây dựng và tìm ở già bản tiếng nói đồng thuận.

- *Trưởng họ*: Người Hmông quan niệm trưởng họ là người "nắm tay dân ở, mở tay dân đi", nên phải am hiểu các quy định, các bài cúng của dòng họ mình, hiểu biết thành thạo các phong tục tập quán, biết lý lẽ và có tài ứng xử, có nhiều kinh nghiệm và giỏi tổ chức các hoạt động sản xuất và luôn tận tình giúp đỡ người trong họ, được mọi người trong dòng họ yêu mến, người khác họ kính trọng.

Nhiệm vụ của trưởng họ là duy trì mọi sinh hoạt, nghi lễ của dòng họ mình. Khi một gia đình trong dòng họ dựng vợ gả chồng cho con cái, trưởng họ phải có mặt để làm lễ kính báo tổ tiên. Thành viên dòng họ qua đời, trưởng họ triệu tập các chủ gia đình trong họ bàn bạc việc chôn cất. Trưởng họ còn đứng ra giải quyết tranh chấp đất đai, tài sản, vi phạm luật lệ của dòng họ; vận động các thành viên trong dòng họ giúp đỡ nhau khi gặp khó khăn, thiếu thốn. Trưởng họ cũng chịu trách nhiệm trao truyền lại những phong tục, tập quán, kinh

nghiệm sản xuất cho các thành viên trong họ. Nhờ có uy tín và sự hiểu biết nên ý kiến của trưởng họ được mọi người trong dòng họ noi theo và trong nhiều trường hợp, tiếng nói của trưởng họ có vai trò rất quan trọng, thậm chí là quyết định. Vì trưởng họ là người được các thành viên tin cậy, chia sẻ ý kiến, nghe lời và làm theo cho nên cần nghiên cứu sử dụng và phát huy vai trò của ông ta để góp phần vào quản lý và giải quyết những vấn đề đang đặt ra với người Hmông (Phạm Quang Hoan và cộng sự, 1995, tr. 273)

Tóm lại, trong đời sống của người Hmông, trưởng họ là nhân vật có tầm ảnh hưởng quan trọng nhất. Đặc biệt, nếu họ là những người có tính cách, đạo đức tốt, hăng say lao động sản xuất, công tâm, dám nghĩ dám làm, dám tiên phong trong việc xây dựng đời sống nông thôn mới... thì sẽ là những tác nhân tạo nên động lực quan trọng để phát triển đời sống kinh tế - xã hội của người Hmông ở các làng bản, vừa giữ gìn được truyền thống văn hóa tộc người, vừa đảm bảo thực hiện nếp sống văn hóa mới ở cơ sở (Hồ Ly Giang, 2013, tr. 54). Trong chừng mực nào đó, trưởng họ giữ vị trí then chốt hơn cả những người làm nhiệm vụ trong bộ máy chính quyền.

Người Hmông quan niệm, đã là công việc của nội bộ dòng họ thì trưởng bản không được can thiệp, “việc của dòng họ phải giải quyết bằng lý của dòng họ”. Ngược lại đối với những công việc chung của bản như sửa đường hoặc trong bản xảy ra “sự cố” nào đó, trưởng bản chỉ cần báo cho trưởng họ là mọi việc sẽ được giải quyết ổn thoả. Trưởng họ không chỉ có vai trò trong lĩnh vực tinh thần (tín ngưỡng cưới xin, ma chay, thờ cúng), mà còn chi phối trong nhiều lĩnh vực như di chuyển cư, bố trí cán bộ, thực hiện các chủ trương của địa phương và Nhà nước.

- *Thầy cúng (chí nính)*: Đây là những người đóng vai trò quan trọng trong đời sống tinh thần của cộng đồng Hmông. Họ là người thay mặt cộng đồng giao thiệp với thế giới “thần linh”, cúng chữa bệnh cho người ốm bằng hình thức bói toán, đuổi ma, trừ tà. Nhiều người Hmông tin rằng khi ốm đau cầu cúng sẽ khỏi bệnh. *Chí nính* là hiện thân của Xu Di, là sư tổ Sa man, là thành viên trong sinh hoạt tâm linh của người Hmông, giúp cộng đồng phát hiện nguyên nhân gây ra ốm đau và tìm cách giải trừ bệnh tật cho con người (Thào Xuân Sùng, 2009, tr. 35).

Như vậy, già làng, trưởng bản, trưởng họ... là những người có uy tín, có kiến thức bổ ích cho cuộc sống cộng đồng, có quyền uy, được dân chúng tin tưởng, nghe theo và cử làm người đại diện cho mình trên một số lĩnh vực, công việc cụ thể. Có trường hợp, một người có thể vừa là trưởng bản, đồng thời được suy tôn làm già bản, lại là trưởng họ và là người có uy tín trong bản (Nguyễn Ngọc Hà và cộng sự, 2006, tr. 17). Mặc dầu các thiết chế của hệ thống chính trị được xác lập và có vai trò quan trọng, song những yếu tố truyền thống như già bản, trưởng bản... vẫn có một vị trí nhất định và được tôn trọng. Với yêu cầu mở rộng,

thực hành dân chủ hiện nay, nếu biết phát huy vai trò của họ thì chắc chắn đội ngũ này sẽ có nhiều đóng góp cho công tác quản lý cộng đồng (Nguyễn Ngọc Hà, 2006, tr. 29).

4. Vai trò của các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở ở bản

Ngày nay, theo mô hình quản lý chung, các tổ chức chính trị - xã hội (Chi bộ Đảng, Ban công tác Mặt trận, các chi hội như Nông dân, Phụ nữ và Cựu chiến binh, Đoàn thanh niên, Đội thiếu niên...) được xác lập và có vai trò quan trọng trong đời sống của từng bản người Hmông. Các tổ chức này thể hiện cho tinh thần, ý chí, nguyện vọng của nhân dân, và có vai trò tích cực trong việc tuyên truyền, thúc đẩy việc thực hiện đường lối, chính sách, chủ trương, pháp luật của Đảng và Nhà nước tại địa bàn.

Chi bộ bản thường có 5 -15 đảng viên, đứng đầu là Bí thư chi bộ, người có giác ngộ chính trị, có uy tín, năng lực tương đối toàn diện. Chi bộ trực tiếp lãnh đạo hệ thống chính trị ở bản, là đầu mối để Đảng uỷ xã triển khai nhiệm vụ chính trị ở cơ sở. Chi bộ bản đề ra chủ trương giải quyết những vấn đề lớn của bản. Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội có chức năng tập hợp, vận động đoàn viên, hội viên tham gia thực hiện nhiệm vụ ở bản.

5. Quy ước của bản

Bản của người Hmông có quy ước riêng, bắt thành văn gọi là “Kế li kế chai”, được truyền từ thế hệ này đến thế hệ khác. Đó là những quy ước về quan hệ giữa người với người, là những tập tục trong sinh hoạt gia đình và xã hội, được mọi người tuân thủ. Người nào ở trong bản hoặc ngoài bản cố ý vi phạm sẽ bị xử lý theo quy ước và luôn được thông qua dư luận để phán xét. Ví dụ: người có vợ hoặc có chồng mà ngoại tình sẽ bị xử phạt bằng bạc trắng, rượu, thịt cho bản; người đốt nhà, trộm cắp, giết người sẽ bị xử phạt rất nặng bằng kinh tế, thậm chí trói buộc hoặc roi vọt. Tùy theo từng tội mà dùng hình thức bắt người đó đeo mõ, cồng, chiêng gõ đi khắp bản để xin lỗi, sửa sai. Nhờ có quy ước được thực hiện nên xã hội Hmông ít xảy ra những hiện tượng tiêu cực cũng như các tệ nạn xã hội.

Hiện nay, các luật tục truyền thống đã được người dân cụ thể hóa, thống nhất đưa vào quy ước thành văn của bản để mọi người cùng thực hiện. Ngoài ra, người Hmông ở Sơn La còn thực hiện cam kết về “5 có và 5 không”.

- 5 có là: 1) Đổi mới tập quán sản xuất, áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất; 2) Tinh thần đoàn kết giữa các dòng họ, các dân tộc; 3) nếp sống văn hóa trong việc cưới, việc tang, lễ hội; 4) Ý thức xây dựng bản làng phát triển toàn diện; 5) Nhiều người hiếu học, biết chữ.

- 5 không là: 1) Du canh, du cư, vượt biên trái phép; 2) Truyền, học đạo trái phép và trái với phong tục tập quán tốt đẹp của dân tộc; 3) Để người chết nhiều ngày; 4) Tái trồng cây thuốc phiện, buôn bán, vận chuyển trái phép các chất ma túy; 5) Tảo hôn, sinh nhiều con (Địa chí Sơn La, bản thảo, tr. 278).

Những quy ước này thường được bàn bạc, nhắc lại trong lễ *nào sòng* của bản hoặc liên bản, để mọi người hiểu và tự giác thực hiện. Quy ước đã có tác động đến mọi thành viên của bản, dù người đó là cán bộ hay dân thường thuộc bất kỳ dòng họ nào. Quy ước đã trở thành sợi dây vô hình nhưng bền chặt cố kết mọi thành viên trong cộng đồng bản của người Hmông.

Kết luận và khuyến nghị

Bản của người Hmông ở Sơn La là “cánh tay nối dài” của chính quyền cơ sở trong thực thi các nhiệm vụ chính trị. Mọi chủ trương, chính sách, đường lối của Đảng, Nhà nước đều thông qua cấp bản để đến được với người dân.

Ở người Hmông, trưởng bản, trưởng họ, già bản, thầy cúng là những nhân vật rất có uy tín trong cộng đồng, dân thường nghe và làm theo. Muốn tranh thủ được những người này, cần phải hướng dẫn tận tình, mềm dẻo, kiên trì, giải thích ngắn gọn, khéo léo, tế nhị và cũng phải có sự động viên thỏa đáng. Cũng giống như một số tộc người thiểu số khác ở miền núi, hiện nay trong các bản ở người Hmông vẫn duy trì các quy ước và có vai trò tác động không nhỏ đến việc phát triển sản xuất, bảo vệ tài nguyên môi trường, đảm bảo sự ổn định xã hội, gìn giữ bản sắc văn hóa tộc người ở mỗi địa phương.

Để phát huy tốt hơn nữa vai trò của bản ở người Hmông trong tình hình mới, các cấp chính quyền cần tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị ở bản. Đặc biệt bồi dưỡng về công tác hành chính, về kỹ năng xử lý các tình huống cụ thể của bản, tránh vi phạm pháp luật. Đồng thời chú trọng đào tạo nghiệp vụ quản lý, kỹ thuật bảo dưỡng, vận hành, khai thác các công trình công cộng ở bản, nhất là về thủy nông, nước sạch, điện...

Đối với đội ngũ già làng, trưởng họ..., các cấp xã, huyện và tỉnh cần tổ chức hội nghị liên tịch (theo định kỳ) với các già làng, trưởng dòng họ, trưởng bản, bí thư chi bộ... để rút kinh nghiệm về thực hiện quy ước và quy chế dân chủ.

Nội dung quy ước của bản nói chung đang dựa vào khung của bản hương ước mẫu do cấp trên hướng dẫn. Nhiều nội dung chưa cụ thể, còn mang tính chất áp đặt, trùng chéo với các quy định của pháp luật. Vì vậy, cần bổ sung hoàn thiện hương ước theo hướng lựa chọn những vấn đề thiết thực nhất, sát với điều kiện hoàn cảnh của từng bản, vừa có nội dung vừa có chế tài của cộng đồng. Chế tài cần được đa dạng hoá, ai vi phạm có thể bị phạt, có thể không được hưởng một số quyền lợi của cộng đồng. Xây dựng quy ước mới cần phải đảm bảo sự hài hoà và thể chế hoá luật pháp dưới các điều khoản cụ thể và cũng là hình thức cụ thể nhất bảo lưu được giá trị văn hoá truyền thống của tộc người trong công cuộc xây dựng và phát triển hiện nay.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Dân tộc Sơn La (2010), *Báo cáo thống kê về dòng họ ở Sơn La*.
2. Hồ Ly Giang (2013), *Dòng họ người Hmông Trắng tỉnh Sơn La*, Luận án tiến sĩ chuyên ngành Nhân học, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Nguyễn Ngọc Hà (Chủ nhiệm, 2006), *Phát huy vai trò già làng, trưởng bản người dân tộc thiểu số trong thực hiện qui chế dân chủ tại các tỉnh miền núi phía bắc nước ta hiện nay*, Báo cáo tổng hợp đề tài khoa học cấp Bộ.
4. Phạm Quang Hoan và cộng sự (1995), *Đặc trưng văn hóa và truyền thống cách mạng các dân tộc ở Kỳ Sơn, Nghệ An*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Vương Duy Quang (1987), “Quan hệ dòng họ trong xã hội người Hmông”, *Tạp chí Dân tộc học*, số 2 (54).
6. TS. Thảo Xuân Sùng (Chủ biên, 2009), *Dân tộc Mông ở Sơn La với việc giải quyết vấn đề tín ngưỡng tôn giáo hiện nay*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. Nguyễn Ngọc Thanh (2008), *Nghiên cứu các thiết chế xã hội truyền thống và đề xuất nội dung phát huy vai trò tích cực trong quản lý xã hội ở các dân tộc tỉnh Sơn La*, Báo cáo tổng hợp đề tài cấp tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ Sơn La.
8. Nguyễn Ngọc Thanh (2001), “Làng của người Hmông ở huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, Số 3 (316).
9. Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La (2018), *Địa chí Sơn La*, bản thảo sách.
10. Tổng cục thống kê (2010), *Kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở 1.4.2009*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.